

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Sơn

Bà Triệu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Ngô Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Tồn P, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2024, bản tự khai ngày 31/10/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị L trình bày:

Chị và anh Đặng Tồn P chung sống với nhau từ năm 2011, lúc đó do anh P chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn ngay mà sau này, cho đến ngày 17/01/2018 vợ chồng mới đi đăng ký tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng kết hôn do cả hai cùng tự nguyện, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P thường xuyên đi chơi, uống rượu, cờ bạc về đánh đập chị, chị đã khuyên bảo anh P nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau mỗi người ở một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có hai người con chung là Đặng X sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014 và Đặng P sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017. Nay vợ chồng ly hôn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, còn anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu X, chị và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20 tháng 11 năm 2024, bị đơn là anh Đặng Tồn P trình bày: Anh và chị Đặng Thị L được gia đình tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ cuối năm 2011, nhưng do lúc đó anh P chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn, mà cho đến ngày 17 tháng 01 năm 2018 thì anh và chị L mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra cãi chửi nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Sau mỗi lần cãi vã thì cuộc sống vợ chồng trở lại bình thường. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L và không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hòa giải về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị L có hai người con chung là Đặng X sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014 và Đặng T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con, nếu cả hai người con đều ở với anh thì anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đặng Thị L được ly hôn bị đơn anh Đặng Tồn P. Giao cho chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đặng T, anh Đặng Tồn P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đặng X, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Đặng Thị L thuộc hộ

cận nghèo được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con khi ly hôn đối với anh Đặng Tồn P, anh P có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã D, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành hòa giải nhưng anh Pháy không có mặt tại phiên hòa giải và chị L đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải nữa, nên Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm anh P vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Đặng Tồn P về chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 17/01/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn chị L, anh P đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng anh P thường xuyên đi chơi, uống rượu, cờ bạc về đánh đập chị, còn anh P cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến thỉnh thoảng xảy ra cãi chửi nhau. Anh P xác định vẫn còn tình cảm với chị L và không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hòa giải về đoàn tụ. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh P đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Việc anh P xác định tình cảm vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, điều đó thể hiện anh P không quan tâm đến việc vợ chồng đoàn tụ hay ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau nữa và một mực đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng vợ chồng giữa chị L, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị L, anh P có hai người con chung là Đặng X sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014 và Đặng T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017. Chị L, anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, xét nguyện vọng của chị L, anh P là chính đáng và đều có đủ khả năng, điều kiện nuôi con. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến nguyện

vọng của các con, cháu T có nguyện vọng được ở với chị L, cháu X có nguyện vọng được ở với anh P. Vì vậy, giao người con chung là Đặng T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao người con chung là Đặng X sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 236/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Đặng Tồn P.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao người con là Đặng T sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017 cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao người con chung là Đặng X sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014 cho anh Đặng Tồn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị L, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đặng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Đặng Tồn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã D, huyện Văn Yên;
- Các đương sự (Chị L, anh P);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hà